

Số: 2270/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa tại Tờ trình số 7750/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc bổ sung những người thuộc trường hợp bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 244/TTr-LĐTBXH ngày 30 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa, như sau:

1. Bổ sung 15 đối tượng bảo trợ xã hội với kinh phí là 16.900.000 đồng (mười sáu triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn).



2. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Biên Hòa (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùg.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

nor
Nguyễn Hòa Hiệp



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH BỎ SUNG

ĐỔI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19
ĐÃ CHỖNG TRỪNG, HỖ TRỢ MỨC CAO NHẤT THUỘC NHÓM ĐỔI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI TẠI THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

(Đính kèm Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/ thẻ căn cước công dân	Địa chỉ nơi cư trú	Đang hưởng chế độ BHXH theo nhóm đối tượng	Kinh phí hỗ trợ		Ký nhận	Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp xã hội hàng tháng	Hỗ trợ bị ảnh hưởng bởi Covid- 19		
1. Phường Bửu Long										
1	Lê Thị Bé Bảy		1/1/1975	271234094	16/4 kp2	Người khuyết tật đặc biệt nặng	600.000	900.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách; - Đã nhận 600.000 đồng
2. Phường Tam Hiệp										
2	Nguyễn Thị Sáng		18/10/1932		70/39/41 kp1	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách
3	Đỗ Thị Gái		2/7/1937		170/35 kp1	Người khuyết tật đặc biệt nặng	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách
3. Phường Tân Hạnh										
4	Huỳnh Văn Mai	1932		270142846	40 kp2	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách; - Mất T4/2020
5	Nguyễn Công Vinh	1940			52B kp1	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách
4. Phường Tân Hiệp										
6	Nguyễn Minh Tiêu	1936			kp2	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách
7	Phan Thị Phu		1938		80/3A kp1	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách
8	Nguyễn Thị Cây		1940		H20 kp5	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sốt trong quá trình lập danh sách

9	Thái Thị Tường		1930		B1/5 kp2	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách
5. Phường Tân Mai										
10	Triệu Văn Huê	1930		272446854	14/2B kp2	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách
6. Phường Tân Phong										
11	Hoàng Thị Tuất		10/10/1925	180350683	54/4 kp9	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách; - Mất T4/2020
12	Lê Thị Khuyên		1/1/1959	272286043	102/7A/12A kp11A	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	600.000	500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách; - Mất T4/2020
13	Nguyễn Thị Loan		1/1/1928	270141226	91/105 KP1	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách; - Mất T4/2020
14	Vũ Thị Mầu		1/1/1920	870147440	102/16A, KP5	Người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách; - Mất T4/2020
7. Phường Trưng Dải										
15	Vô Văn Sen	1953			hồ 10C kp4	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi	300.000	1.500.000		- Sót trong quá trình lập danh sách
Tổng							16.900.000			

(Bảng chữ: Mười sáu triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Hòa Hiệp